

KHUNG MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I – NĂM HỌC 2025-2026

Môn Khoa học tự nhiên, lớp 6

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 1 (Tuần 9)
Phân môn sinh đến Bài 22: Cơ thể sinh vật (T2)
Phân môn hóa đến Bài 12: Một số vật liệu (T1)
Phân môn vật lý đến Bài 7: Đo thời gian (T2)
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.*
 - Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, gồm 20 câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu.
 - Phần tự luận: 5,0 điểm.

Chủ đề		Số tiết	Tỉ lệ %	MỨC ĐỘ						Tổng số câu		Điểm số
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
				Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1		2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14
PHÂN MÔN HÓA												
Bài 9: Sự đa dạng của chất		2	2,5		1						1	0,25
Bài 10: Các thể của chất và sự chuyển thể		2	5		1		1				2	0,5
Bài 11: Oxygen. Không khí		3	15		1		1	1		1	2	1,5
Bài 12: Một số vật liệu		2	2,5		1						1	0,25
TỔNG PHÂN HÓA	Số câu			0	4	0	2	1	0	1	6	
	Điểm số			0	1,0	0	0,5	1,0	0	1,0	1,5	2,5
	Tổng số điểm		25%	1,0 điểm		0,5 điểm		1 điểm		2,5 điểm		2,5 điểm
PHÂN MÔN LÝ												
Bài 1: Giới thiệu về KHTN		2	2,5%		1						1	0,25
Bài 5: Đo chiều dài		3	15%			1/2		1/2		1		1,5

Bài 6: Đo khối lượng		2	5%		2					2	0,5
Bài 7: Đo thời gian		2	2,5%		1					1	0,25
TỔNG PHẦN LÝ	Số câu				4	1/2		1/2		1	4
	Điểm số				1,0	0,5		1,0		1,5	1,0
	Tổng số điểm		25%	1,0 điểm		0,5 điểm		1,0 điểm		2,5 điểm	
PHÂN MÔN SINH											
Bài 2: An toàn trong phòng thực hành		2	10	1						1	1,0
Bài 3:Sử dụng kính lúp		1	2,5		1					1	0,25
Bài 4: Sử dụng kính hiển vi quang học		2	5		2					2	0,5
Bài 18:Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống		2	7,5		1		2			3	0,75
Bài 19: Cấu tạo và chức năng các thành phần tế bào		2	7,5			1/2	1			1/2	0,75
Bài 20: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào		2	10					1/2		1/2	1,0
Bài 21: Thực hành: Quan sát và phân biệt một số loại tế bào		2	2,5				1			1	0,25
Bài 22: Cơ thể sinh vật		2	5				2			2	0,5
TỔNG PHẦN SINH	Số câu			1	4	1/2	6	1/2	0	2	10
	Điểm số			1,0	1,0	0,5	1,5	1,0	0	2,5	2,5
	Tổng số điểm		50%	2,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		5,0 điểm	
TỔNG CỘNG	Số câu			1	12	1	8	2	0	4	20
	Điểm số			1,0	3,0	1,0	2,0	3,0	0	5,0	5,0
	Tổng số điểm		100%	4,0 điểm		3,0 điểm		3 điểm		10,0 điểm	

b) Bảng đặc tả.

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
Bài 2: An toàn trong phòng thực hành (2 tiết)						

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
	Nhận biết	– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.	1		C21	
Bài 3: Sử dụng kính lúp (1 tiết)						
	Nhận biết	– Biết cách sử dụng kính lúp.		1		C11
Bài 4: Sử dụng kính hiển vi quang học (2 tiết)						
	Nhận biết	– Biết cách sử dụng kính hiển vi quang học.		2		C12, C13
Bài 18: Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống (2 tiết)						
	Nhận biết	- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.		1		C14
	Thông hiểu	- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.		2		C15, C16
Bài 19: Cấu tạo và chức năng các thành phần tế bào (2 tiết)						
	Thông hiểu	- Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào). - Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào).	1/2	1	C22a	C17
Bài 20: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào (2 tiết)						
	Vận dụng	- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào).	1/2		C22b	
Bài 21: Thực hành: Quan sát và phân biệt (2 tiết)						
	Thông hiểu	- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.		1		C18

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
Bài 22: Cơ thể sinh vật (2 tiết)						
	Thông hiểu	- Nêu được các khái niệm cơ thể - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...).		1 1		C19 C20
Bài 9: Sự đa dạng của chất (2 tiết)						
	Nhận biết	- Nhận biết được vật thể nhân tạo là vật do con người tạo ra từ các vật liệu khác nhau.		1		C1
Bài 10: Các thể của chất và sự chuyển thể (2 tiết)						
	Nhận biết	- Nêu được các thể cơ bản của chất: rắn, lỏng, khí.		1		C2
	Thông hiểu	- Nhận biết được hiện tượng nóng chảy là quá trình chất rắn → lỏng.		1		C5
Bài 11: Oxygen. Không khí (3 tiết)						
	Nhận biết	- Thành phần chính của không khí và tỉ lệ các khí.		1		C3
	Thông hiểu	- Giải thích được vai trò của Oxygen (O ₂) trong sự cháy và hô hấp.		1		C6
	Vận dụng	- Vận dụng kiến thức về tính chất của xăng dầu để xử lí tình huống cháy. - Giải thích được cơ sở khoa học của cách dập cháy đúng.	1		C24	
Bài 12: Một số vật liệu (2 tiết)						
	Nhận biết	- Nêu được vật liệu kim loại thường chứa nguyên tố kim loại như Iron (Fe), Copper (Cu).		1		C4
Bài 1. Giới thiệu về khoa học tự nhiên (2 tiết)						
	Nhận biết	– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.		1		C7

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
Bài 5 Đo chiều dài (3 tiết)						
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.	1/2		C23a	
	Vận dụng	- Vận dụng cách đo chiều dài vào đo thể tích.	1/2		C23b	
Bài 6. Đo khối lượng (2 tiết)						
	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật.		1		C8
		- Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản		1		C9
Bài 7. Đo thời gian (2 tiết)						
	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.		1		C10

ĐỀ CHÍNH

ĐỀ BÀI

A. TRẮC NGHIỆM: 5,0 điểm

Chọn một phương án trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Đá là vật thể nhân tạo?

- A. Cây bút chì. B. Cây chuối. C. Hòn đá cuội. D. Con cá vàng.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây đúng về các thể của chất?

- A. Chất chỉ tồn tại ở hai thể là rắn và lỏng.
B. Chất chỉ có một thể duy nhất là thể rắn.
C. Các chất trong tự nhiên thường tồn tại ở ba thể: rắn, lỏng và khí.
D. Mọi chất đều tồn tại đồng thời ở cả ba thể.

Câu 3. Thành phần khí nào chiếm tỉ lệ lớn nhất trong không khí?

- A. Oxygen (O_2) B. Nitrogen (N_2) C. Carbon dioxide (CO_2) D. Hơi nước (H_2O)

Câu 4. Vật liệu **kim loại** thường được tạo nên từ nguyên tố nào sau đây?

- A. Carbon (C) B. Iron (Fe) C. Nitrogen (N_2) D. Oxygen (O_2)

Câu 5. Hiện tượng nào sau đây là sự nóng chảy?

- A. Nước đọng trên lá cây vào buổi sáng. B. Sáp nến tan chảy khi đốt.
C. Hơi nước ngưng tụ trên cốc nước lạnh. D. Sương mù xuất hiện vào sáng sớm.

Câu 6. Khi đốt nến trong lọ kín, ngọn nến tắt dần là do

- A. oxygen (O_2) trong lọ bị dùng hết. B. nitrogen (N_2) tăng lên.
C. carbon dioxide (CO_2) sinh ra làm nến nguội. D. không khí trong lọ quá nóng.

Câu 7. Khoa học tự nhiên là gì?

- A. Lĩnh vực nghiên cứu về xã hội và con người.
B. Lĩnh vực nghiên cứu về các hiện tượng tự nhiên và quy luật của chúng.
C. Lĩnh vực nghiên cứu về kinh tế và tài chính.
D. Lĩnh vực nghiên cứu về nghệ thuật và văn hóa.

Câu 8. Để cân một túi trái cây có khối lượng chính xác là bao nhiêu ta nên dùng cân nào dưới đây là phù hợp nhất?

- A. Cân Rô – béc – van. B. Cân y tế. C. Cân điện tử. D. Cân đòn.

Câu 9. Đơn vị đo khối lượng trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta là đơn vị nào sau đây?

- A. Kilôgam. B. Gam. C. Tấn. D. Lạng.

Câu 10. Để xác định thành tích của học sinh trong chạy 200m, giáo viên thể dục phải lựa chọn loại đồng hồ nào sau đây?

- A. Đồng quả lắc. B. Đồng hồ đeo tay.
C. Đồng hồ bấm giây. D. Đồng hồ hẹn giờ.

Câu 11. Công việc nào sau đây không phù hợp với việc sử dụng kính lúp?

- A. Người già đọc sách. B. Ngắm các hành tinh.
C. Sửa chữa đồng hồ. D. Quan sát gân lá cây.

Câu 12. Khi sử dụng kính hiển vi để quan sát các vật nhỏ cần điều chỉnh theo cách nào sau đây?
A. Thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách đưa toàn bộ ống kính lên hay xuống sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

B. Thay đổi khoảng cách giữa vật và vật kính bằng cách giữ nguyên toàn bộ ống kính, đưa vật lại gần vật kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

C. Thay đổi khoảng cách giữa vật kính và thị kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to, rõ nhất.

D. Thay đổi khoảng cách giữa vật và thị kính sao cho nhìn thấy ảnh của vật to và rõ nhất.

Câu 13. Bước đầu tiên cần làm khi sử dụng kính hiển vi quang học là

A. điều chỉnh ánh sáng.

B. điều chỉnh ốc to.

C. đặt tiêu bản lên bàn kính.

D. chọn vật kính thích hợp.

Câu 14. Tế bào thần kinh có hình gì?

A. Hình cầu.

B. Hình xoắn.

C. Hình sao.

D. Hình lục giác.

Câu 15. Đơn vị cơ bản của sự sống là

A. tế bào.

B. cơ thể.

C. cơ quan.

D. hệ cơ quan.

Câu 16. Điền từ còn thiếu vào câu sau cho phù hợp: Tế bào có thể thực hiện các quá trình sống cơ bản như sinh trưởng, hấp thụ chất dinh dưỡng, hô hấp, cảm ứng, bài tiết, sinh sản.

A. một .

B. hầu hết.

C. đầy đủ.

D. một số.

Câu 17. Nhân tế bào có chức năng nào sau đây?

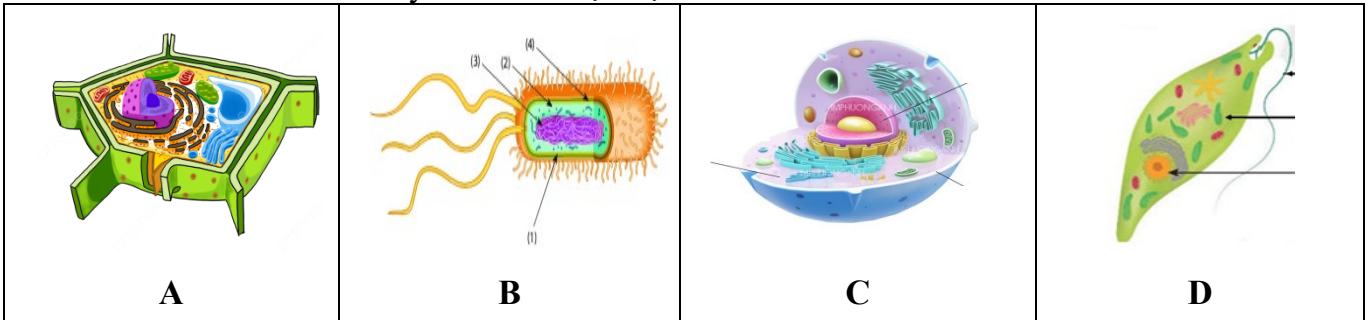
A. Kiểm soát sự di chuyển của các chất đi vào và ra khỏi tế bào.

B. Có khả năng hấp thụ ánh sáng để tổng hợp nên chất hữu cơ.

C. Điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.

D. Là chất làm cho cây sống không cần hấp thụ ánh sáng

Câu 18. Tế bào nào dưới đây là tế bào thực vật?



Câu 19. Cơ thể là

A. thực vật sống có thể thực hiện các quá trình sống cơ bản.

B. một sinh vật sống có thể thực hiện các quá trình sống cơ bản.

C. động vật sống có thể thực hiện các quá trình sống cơ bản.

D. vi sinh vật sống có thể thực hiện các quá trình sống cơ bản.

Câu 20. Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào khác nhau chủ yếu ở điểm nào?

A. Màu sắc.

B. Kích thước.

C. Hình dạng.

D. Số lượng tế bào tạo thành

II. TỰ LUẬN: 5 điểm

Câu 21. (1,0 điểm): Sau khi tiến hành xong thí nghiệm ta cần làm gì?

Câu 22. (1,5 điểm)

a. Những thành phần chính cấu tạo nên tế bào là gì?

b. Có 3 tế bào phân chia liên tiếp 2 lần thì sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

Câu 23. (1,5 điểm)

a. Tại sao cần phải ước lượng chiều dài trước khi đo?

b. Cho các dụng cụ sau: Bình chia độ, bình tràn, cốc thủy tinh không có vạch chia, nước và một hòn sỏi không thấm nước không bỏ lọt bình chia độ. Hãy trình bày cách đo thể tích một hòn sỏi này.

Câu 24. (1,0 điểm) Các sự cố về xăng dầu có thể gây cháy, nếu xảy ra một đám cháy nhỏ do xăng dầu, ta nên làm gì? Giải thích.

----- Hết -----

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN KHTN 6

A. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	B	B	B	A	B	C	A	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	A	D	C	A	C	C	A	B	D

B. TỰ LUẬN: 5 điểm

Đáp án	Điểm
Câu 21. (1,0 điểm) Sau khi làm xong thí nghiệm cần + thu gom chất thải để đúng nơi quy định. + lau dọn sạch sẽ chỗ làm việc. + sắp xếp dụng cụ gọn gàng, đúng chỗ. + rửa sạch tay bằng xà phòng. (HS khuyết tật chỉ cần nêu được 2 ý)	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
Câu 22. (1,5 điểm) a. Tế bào được cấu tạo bởi 3 thành phần chính: màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào. b. Số tế bào con tạo ra qua 2 lần phân chia của 1 tế bào là : $2^2 = 4 \text{ tế bào}$ Số tế bào con tạo ra qua 2 lần phân chia của 3 tế bào ban đầu là : $3 \times 4 = 12 \text{ tế bào}$ (HS khuyết tật chỉ cần làm câu a)	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 23. (1,5 điểm) a. Cần phải ước lượng chiều dài cần đo trước khi đo để chọn thước có GHĐ và ĐCNN phù hợp chiều dài cần đo. b. Bước 1: Ta cần đổ đầy nước đến ngang miệng của bình tràn. Bước 2: Thả nhẹ hòn sỏi vào trong bình tràn. Bước 3: Dùng cốc thủy tinh hứng thể tích nước tràn ra. Bước 4: Đổ nước ở cốc thủy tinh vào bình chia độ xác định được thể tích nước tràn ra chính là thể tích hòn sỏi. (HS khuyết tật ý 2 chỉ cần nêu được 2 bước đạt 1 điểm)	0,5 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
Câu 24. (1,0 điểm) - Ta nên phủ chăn bông ướt hoặc vải dày ướt lên khu vực cháy. - Việc phủ chăn bông ướt hoặc vải dày ướt sẽ làm cách li chất cháy với oxygen, khi đó sẽ không còn đủ oxygen để duy trì sự cháy. (HS khuyết tật chỉ cần nêu được ý 1 thì được điểm tối đa)	0,5 điểm 0,5 điểm